

Công ty Cổ phần Chứng khoán Vincom



	<i>Trang</i>
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	1 - 3
CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Báo cáo kiểm toán độc lập	4
Bảng cân đối kế toán	5 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	9 - 10
Thuyết minh báo cáo tài chính	11 - 28

Công ty Cổ phần Chứng khoán Vincom

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán Vincom ("Công ty") trình bày báo cáo này và các báo cáo tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chứng khoán Vincom là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh số 70/UBCK-GP ngày 10 tháng 12 năm 2007 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp, và được điều chỉnh theo Giấy phép số 112/UBCK-GPĐKCTCK ngày 4 tháng 3 năm 2008, số 176/UBCK-GPĐC ngày 2 tháng 12 năm 2008 và số 208/UBCK-GPĐC ngày 16 tháng 3 năm 2009.

Cổ phiếu của Công ty chính thức được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội từ ngày 29 tháng 12 năm 2009 theo Quyết định số 1036/QĐ-SGDHN ngày 24 tháng 12 năm 2009 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Hoạt động chính của Công ty bao gồm môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, bảo lãnh phát hành chứng khoán, tư vấn tài chính và đầu tư chứng khoán.

Công ty có trụ sở chính tại tầng L2, tòa nhà Vincom Center, số 72 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH VÀ CỐ TỨC

	<i>Năm nay</i> VND	<i>Năm trước</i> VND
Lợi nhuận thuần sau thuế trong năm	7.450.321.264	35.177.608.644
Lợi nhuận giữ lại cuối năm	38.440.115.184	31.734.826.048

CÁC SỰ KIỆN TRONG KỲ

Vào ngày 26 tháng 10 năm 2010, Hội đồng Quản trị của Công ty Cổ phần Vincom, công ty mẹ nắm 75% vốn chủ sở hữu của Công ty, đã phê duyệt kế hoạch chuyển nhượng toàn bộ phần vốn sở hữu trong Công ty. Sau đó, vào cuối năm 2010, Công ty cũng đã đóng cửa sàn giao dịch chứng khoán đặt tại Trung tâm thương mại Vincom City Towers, số 191, phố Bà Triệu, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội, do tình hình hoạt động kinh doanh môi giới chứng khoán không thực sự khả quan.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Lê Khắc Hiệp	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 23 tháng 3 năm 2009
Bà Mai Hương Nội	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 2 tháng 8 năm 2007
Ông Phạm Khắc Phương	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 2 tháng 8 năm 2007
Ông Nguyễn Thế Anh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 23 tháng 3 năm 2009
Bà Trần Hoài An	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 23 tháng 9 năm 2009

Công ty Cổ phần Chứng khoán Vincom

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Giám đốc trong năm và tại ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Bạch Nguyễn Vũ	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 16 tháng 3 năm 2009
Ông Dương Quang Trung	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 03 năm 2010
Ông Dương Cẩm Đà	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 28 tháng 12 năm 2010

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỶ KẾ TOÁN

Từ ngày 2 đến ngày 7 tháng 3 năm 2011, Công ty Cổ phần Vincom, công ty mẹ của công ty đã hoàn thành các giao dịch chuyển nhượng 19.490.000 cổ phiếu thông qua các giao dịch thỏa thuận tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội. Số cổ phiếu còn lại cũng đang được công ty mẹ chào bán.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán của Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo các báo cáo tài chính cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong các báo cáo tài chính; và
- ▶ lập các báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với hệ thống kế toán đã được đăng ký. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty đã cam kết với Hội đồng Quản trị rằng Công ty đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập các báo cáo tài chính.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Vincom

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

PHÊ DUYỆT CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Chúng tôi phê duyệt các báo cáo tài chính kèm theo. Các báo cáo này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2010, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán và Hệ thống Kế toán Việt Nam và chính sách kế toán áp dụng cho các công ty chứng khoán được qui định tại Thông tư số 95/2008/TT- BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 của Bộ Tài chính và tuân thủ các quy định có liên quan.

Thay mặt Hội đồng Quản trị



Ông Lê Khắc Hiệp
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 15 tháng 3 năm 2011

Số tham chiếu: 60765367/14749093

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông của Công ty Cổ phần Chứng khoán Vincom

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán của Công ty Cổ phần Chứng khoán Vincom ("Công ty") vào ngày 31 tháng 12 năm 2010, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ có liên quan cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo ("các báo cáo tài chính") được trình bày từ trang 5 đến trang 28. Các báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc của Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính này dựa trên việc kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến kiểm toán

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các quy định của các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và Chuẩn mực Kiểm toán Quốc tế được áp dụng tại Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện việc kiểm toán để đạt được mức tin cậy hợp lý về việc các báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu. Việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, theo phương pháp chọn mẫu, các bằng chứng về số liệu và các thuyết minh trên các báo cáo tài chính. Việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các nguyên tắc kế toán đã được áp dụng và các ước tính quan trọng của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể các báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán của chúng tôi cung cấp cơ sở hợp lý cho ý kiến kiểm toán.

Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, các báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2010, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán và Hệ thống Kế toán Việt Nam, chính sách kế toán áp dụng cho các công ty chứng khoán được quy định tại Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 của Bộ Tài chính và tuân thủ các quy định có liên quan.



Ernst & Young Vietnam Ltd.

Công ty trách nhiệm hữu hạn Ernst & Young Việt Nam

Trần Đình Cường

Trần Đình Cường
Tổng Giám đốc
Kiểm toán viên đã đăng ký
Số đăng ký: 0135/KTV

Bùi Anh Tuấn

Bùi Anh Tuấn
Kiểm toán viên phụ trách
Kiểm toán viên đã đăng ký
Số đăng ký: N.1067/KTV

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 15 tháng 3 năm 2011

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị: đồng Việt Nam

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 12 năm 2010	Ngày 31 tháng 12 năm 2009
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		360.248.989.594	365.718.042.553
110	I. Tiền	IV.1	47.379.454.580	120.599.077.089
111	1. Tiền		47.379.454.580	120.599.077.089
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	IV.2	185.195.438.841	198.073.253.249
121	1. Đầu tư ngắn hạn		185.804.972.341	200.155.378.856
129	2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		(609.533.500)	(2.082.125.607)
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn	IV.3	126.633.049.423	46.619.667.668
131	1. Phải thu của khách hàng		126.932.900.487	31.737.993.067
133	2. Phải thu các bên liên quan	IV.16	385.153.626	13.328.499.244
138	3. Các khoản phải thu khác		11.625.808.326	1.553.175.357
139	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(12.310.813.016)	-
140	IV. Hàng tồn kho		-	65.660.360
141	1. Hàng tồn kho		-	468.906.442
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		-	(403.246.082)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		1.041.046.750	360.384.187
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		-	357.384.187
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		-	-
158	3. Tài sản ngắn hạn khác		1.041.046.750	3.000.000
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		11.981.547.427	105.039.952.303
220	I. Tài sản cố định		9.336.858.927	13.304.986.839
221	1. Tài sản cố định hữu hình	IV.4	5.068.549.444	8.376.150.304
222	Nguyên giá		13.953.244.851	14.192.193.904
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(8.884.695.407)	(5.816.043.600)
227	2. Tài sản cố định vô hình	IV.5	4.268.309.483	4.928.836.535
228	Nguyên giá		5.920.584.978	5.920.584.978
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(1.652.275.495)	(991.748.443)
250	II. Đầu tư tài chính dài hạn		-	87.500.000.000
253	1. Đầu tư chứng khoán dài hạn		-	87.500.000.000
259	2. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		-	-
260	III. Tài sản dài hạn khác		2.644.688.500	4.234.965.464
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	IV.6	998.395.143	3.519.677.400
263	2. Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	IV.7	1.646.293.357	710.288.064
268	3. Tài sản dài hạn khác		-	5.000.000
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		372.230.537.021	470.757.994.856

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị: đồng Việt Nam

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 12 năm 2010	Ngày 31 tháng 12 năm 2009
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		29.519.297.927	135.497.077.026
310	I. Nợ ngắn hạn		29.519.297.927	135.351.452.485
312	1. Phải trả nhà cung cấp		110.738.588	363.552.337
313	2. Người mua trả tiền trước		510.678.000	632.539.205
314	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	IV.15	4.249.758.663	7.257.488.635
315	4. Phải trả người lao động		378.795.765	4.008.204
316	5. Chi phí phải trả	IV.8	935.093.818	1.165.744.471
317	6. Phải trả các bên liên quan	IV.16	10.551.384	1.808.110.847
321	7. Phải trả hộ cổ tức cho nhà đầu tư		111.264.190	417.839.500
322	8. Phải trả tổ chức phát hành chứng khoán		148.475.140	4.198.889.900
328	9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	IV.9	23.063.942.379	119.503.279.386
330	II. Nợ dài hạn		-	145.624.541
336	1. Dự phòng trợ cấp mất việc làm		-	145.624.541
400	B. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU		342.711.239.094	335.260.917.830
410	I. Vốn chủ sở hữu	IV.10	342.711.239.094	335.260.917.830
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		300.000.000.000	300.000.000.000
417	2. Vốn bổ sung từ lợi nhuận		2.135.561.955	1.763.045.891
418	3. Quỹ dự phòng tài chính		2.135.561.955	1.763.045.891
420	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		38.440.115.184	31.734.826.048
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		372.230.537.021	470.757.994.856

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2010

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị: đồng Việt Nam

Mã số	CHỈ TIÊU	Ngày 31 tháng 12 năm 2010	Ngày 31 tháng 12 năm 2009
006	6. Chứng khoán lưu ký	1.269.314.890.000	80.628.493.000
007	Trong đó		
	6.1. Chứng khoán giao dịch	1.094.469.400.000	73.689.855.000
008	6.1.1. Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký	189.630.000	188.105.000
009	6.1.2. Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	1.052.006.370.000	71.024.986.000
010	6.1.3. Chứng khoán giao dịch của khách hàng nước ngoài	42.273.400.000	2.476.764.000
012	6.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch	405.490.000	58.638.000
013	6.2.1. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của thành viên lưu ký	60.000	-
014	6.2.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước	405.420.000	58.638.000
015	6.2.3. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng nước ngoài	10.000	-
017	6.3. Chứng khoán cầm cố	174.440.000.000	6.880.000.000
019	6.3.1. Chứng khoán cầm cố của khách hàng trong nước	174.440.000.000	6.880.000.000
	Tổng cộng tài khoản ngoài bảng	1.269.314.890.000	80.628.493.000

Thuy

Nguyễn Thanh Huyền
Kế toán trưởng



Bạch Nguyễn Vũ
Tổng Giám đốc


Hà Nội, Việt Nam

Ngày 15 tháng 3 năm 2011

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị: đồng Việt Nam

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	1. Doanh thu	IV.11	76.730.850.843	89.728.743.445
	<i>Trong đó:</i>			
1.1	- Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán		15.443.567.280	20.440.621.205
1.2	- Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn		27.163.711.692	38.497.314.400
1.4	- Doanh thu đại lý phát hành chứng khoán		-	4.000.000
1.5	- Doanh thu hoạt động tư vấn		705.237.741	924.545.455
1.6	- Doanh thu lưu ký chứng khoán		731.317.911	-
1.9	- Doanh thu khác	IV.11.1	32.687.016.219	29.862.262.385
2	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh		76.730.850.843	89.728.743.445
11	4. Chi phí hoạt động kinh doanh	IV.12	(24.748.054.788)	(20.964.071.913)
20	5. Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh		51.982.796.055	68.764.671.532
25	6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	IV.13	(37.429.380.959)	(25.189.985.704)
30	7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		14.553.415.096	43.574.685.828
31	8. Thu nhập khác	IV.14	149.231.556	3.488.322.251
32	9. Chi phí khác	IV.14	(672.568.548)	(4.138.386.380)
40	10. Lợi nhuận/(lỗ) khác		(523.336.992)	(650.064.129)
50	11. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		14.030.078.104	42.924.621.699
51	12. Chi phí thuế TNDN hiện hành	IV.15	(6.579.756.840)	(7.747.013.055)
60	13. Lợi nhuận sau thuế TNDN		7.450.321.264	35.177.608.644
70	14. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	IV.18	248	1.173


Nguyễn Thanh Huyền
Kế toán trưởng



Bạch Nguyễn Vũ
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 15 tháng 3 năm 2011

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị: đồng Việt Nam

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1	1. Lợi nhuận trước thuế		14.030.078.104	42.924.621.699
2	2. Điều chỉnh cho các khoản			
	- Khấu hao và khấu trừ	IV.4, 5	4.048.828.223	4.427.937.320
3	- Các khoản dự phòng		10.434.974.827	(1.910.842.061)
4	- Nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	IV.15	(10.081.558.945)	-
5	- Lãi từ hoạt động đầu tư		(59.850.727.912)	(68.359.576.785)
6	- Lỗ từ thanh lý tài sản cố định		-	653.526.364
8	3. Lỗ từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		(41.418.405.703)	(22.264.333.463)
9	- Giảm các khoản phải thu		47.937.470.629	38.575.179.554
10	- Giảm hàng tồn kho		468.906.442	104.569.925
11	- (Giảm)/tăng các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(6.028.561.521)	1.881.340.242
12	- Giảm chi phí trả trước		2.878.666.444	2.023.734.739
13	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		-	309.000.000
14	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(1.969.052.041)	(2.376.981.060)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		1.869.024.250	18.252.509.937
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(221.654.100)	(2.058.403.827)
22	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		140.953.789	4.260.886.037
23	Tiền chi cho vay, đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(60.000.000.000)	(62.500.000.000)
24	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		65.742.834.260	5.000.000.000
25	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		15.696.634.765	24.551.065.824
30	Lưu chuyển tiền thuần từ/ (sử dụng vào) hoạt động đầu tư		21.358.768.714	(30.746.451.966)

Công ty Cổ phần Chứng khoán Vincom

B09-CTCK

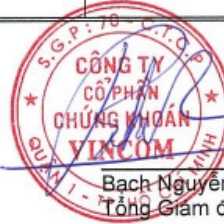
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị: đồng Việt Nam

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		23.227.792.964	(12.493.942.029)
60	Tiền đầu năm		1.215.607.755	13.709.549.784
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	-
70	Tiền cuối năm	IV.1	24.443.400.719	1.215.607.755



Nguyễn Thanh Huyền
Kế toán trưởng



Bach Nguyễn Vũ
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 15 tháng 3 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

I. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Chứng khoán Vincom ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh số 70/UBCK-GP ngày 10 tháng 12 năm 2007 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp, và được điều chỉnh theo Giấy phép số 112/UBCK-GPĐKCTCK ngày 4 tháng 3 năm 2008, số 176/UBCK-GPĐC ngày 2 tháng 12 năm 2008 và số 208/UBCK-GPĐC ngày 16 tháng 3 năm 2009.

Hoạt động chính của Công ty bao gồm môi giới và lưu ký chứng khoán, tư doanh chứng khoán, bảo lãnh phát hành chứng khoán, tư vấn tài chính và đầu tư chứng khoán.

Cổ phiếu của Công ty chính thức được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội từ ngày 29 tháng 12 năm 2009 theo Quyết định số 1036/QĐ-SGDHN ngày 24 tháng 12 năm 2009 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Công ty có trụ sở chính tại tầng L2, tòa nhà Vincom Center, số 72 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Vào ngày 26 tháng 10 năm 2010, Hội đồng Quản trị của Công ty Cổ phần Vincom, công ty mẹ nắm 75% vốn chủ sở hữu của Công ty, đã phê duyệt kế hoạch chuyển nhượng toàn bộ phần vốn sở hữu trong Công ty. Sau đó, vào cuối năm 2010, Công ty cũng đã đóng cửa sàn giao dịch chứng khoán đặt tại Trung tâm thương mại Vincom City Towers, số 191, phố Bà Triệu, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội, do tình hình hoạt động kinh doanh môi giới chứng khoán không thực sự khả quan.

Hội đồng Quản trị

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Lê Khắc Hiệp	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 23 tháng 3 năm 2009
Bà Mai Hương Nội	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 10 tháng 12 năm 2007
Ông Phạm Bách	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 10 tháng 12 năm 2007
Ông Phạm Khắc Phương	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 10 tháng 12 năm 2007
Ông Nguyễn Thế Anh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 23 tháng 3 năm 2009
Bà Trần Hoài An	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 23 tháng 9 năm 2009

Ban Giám đốc

Các thành viên Ban Giám đốc trong năm và tại ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Bạch Nguyễn Vũ	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 16 tháng 3 năm 2009
Ông Dương Quang Trung	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 03 năm 2010
Ông Dương Cẩm Đà	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 28.12.2010

Ban kiểm soát

Các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và tại ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Đinh Ngọc Lân	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 29 tháng 4 năm 2009
Bà Đoàn Thị Bích Ngọc	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 29 tháng 4 năm 2009
Ông Nguyễn Minh Đức	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 29 tháng 4 năm 2009

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

II. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

1. Chuẩn mực và Hệ thống Kế toán áp dụng

Các báo cáo tài chính của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với chế độ kế toán áp dụng cho các công ty chứng khoán được quy định tại Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 của Bộ Tài chính và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Tại thời điểm lập báo cáo, khoản mục tiền gửi của nhà đầu tư cho mục đích giao dịch chứng khoán được trình bày trên bảng cân đối kế toán của Công ty vì khoản mục này vẫn được bao gồm trong các tài khoản tiền gửi ngân hàng do Công ty đứng tên tại các ngân hàng thương mại.

Bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

Các chuẩn mực và hướng dẫn đã được ban hành nhưng chưa có hiệu lực

Thông tư 210/2009/TT- BTC hướng dẫn về áp dụng các chuẩn mực kế toán quốc tế về trình bày và thuyết minh các công cụ tài chính.

Vào ngày 6 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính ban hành Thông tư 210/2009/TT- BTC hướng dẫn cách áp dụng các chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế về trình bày và thuyết minh công cụ tài chính. Việc áp dụng thông tư này đòi hỏi phải có thêm các thuyết minh và ảnh hưởng đến trình bày các công cụ tài chính cụ thể của công ty trên các báo cáo tài chính. Thông tư này có hiệu lực từ năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 hoặc sau đó. Ban Giám đốc Công ty đang đánh giá tác động của việc áp dụng thông tư này trong các báo cáo tài chính trong tương lai của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

II. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2. Giả định trong việc lập Báo cáo tài chính

Các báo cáo tài chính kèm theo được lập trên cơ sở Công ty sẽ tiếp tục hoạt động trong tương lai. Như đã trình bày tại Thuyết minh số 1 - Thông tin doanh nghiệp, vào ngày 26 tháng 10 năm 2010, Hội đồng Quản trị của Công ty Cổ phần Vincom, công ty mẹ nắm 75% vốn chủ sở hữu của Công ty, đã phê duyệt kế hoạch chuyển nhượng toàn bộ phần vốn sở hữu trong Công ty. Sau đó, vào cuối năm 2010, Công ty cũng đã đóng cửa sàn giao dịch chứng khoán đặt tại Trung tâm thương mại Vincom City Towers, số 191, phố Bà Triệu, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội, do tình hình hoạt động kinh doanh môi giới chứng khoán không thực sự khả quan. Các biểu hiện này cho thấy sự tồn tại của một yếu tố không chắc chắn về khả năng tiếp tục hoạt động liên tục của Công ty, và điều này phụ thuộc vào khả năng hoạt động có lãi trong tương lai. Ban Giám đốc Công ty hiện tại tin tưởng rằng Công ty vẫn có khả năng duy trì hoạt động bình thường trong năm tài chính tiếp theo. Do vậy, các báo cáo tài chính này được lập trên cơ sở hoạt động liên tục.

3. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Công ty là Sổ nhật ký chung.

4. Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

5. Đồng tiền kế toán

Công ty thực hiện việc ghi chép sổ sách kế toán bằng Đồng Việt Nam.

III. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

1. Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán và tài khoản tiền gửi thanh toán cho hoạt động kinh doanh chứng khoán.

2. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

3. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh. Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

III. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản cố định vô hình vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh. Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

5. Khấu hao và khấu trừ

Khấu hao và khấu trừ tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Máy móc, thiết bị	4 – 5 năm
Phương tiện vận tải	6 năm
Thiết bị văn phòng	4 – 5 năm
Phần mềm máy tính	8 – 15 năm

6. Thuê tài sản

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

7. Các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư chứng khoán

Đầu tư vào chứng khoán được phản ánh theo giá gốc. Các khoản cổ tức và trái tức phát sinh trước ngày mua được ghi nhận giảm giá khoản đầu tư chứng khoán, các khoản cổ tức và trái tức phát sinh sau ngày mua được ghi nhận vào doanh thu từ hoạt động đầu tư trên báo cáo kết quả kinh doanh.

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán

Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư có thể chuyển nhượng được trên thị trường vào ngày kết thúc kỳ kế toán tương ứng với chênh lệch giữa giá gốc của cổ phiếu với giá trị thị trường tại ngày đó. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí hoạt động trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

8. Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

9. Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ do Công ty sử dụng (VND) được hạch toán theo tỷ giá được áp dụng vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm, các khoản mục tài sản và công nợ mang tính chất tiền tệ có gốc ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá quy định vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch đánh giá lại cuối năm được kết chuyển vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

III. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

10. Quỹ dự phòng tài chính

Quỹ dự phòng tài chính được trích lập hằng năm với mức bằng 5% lợi nhuận của Công ty cho đến khi đạt 10% vốn điều lệ đã góp theo Quyết định số 27/2007/QĐ-BTC ngày 24 tháng 4 năm 2007 do Bộ Tài chính ban hành về Quy chế tổ chức và hoạt động cho công ty chứng khoán. Quỹ được trích lập nhằm bảo toàn hoạt động kinh doanh bình thường của Công ty trước các rủi ro hoặc thua lỗ trong kinh doanh hoặc dự phòng cho lỗ hoặc tổn thất do các nguyên nhân khách quan.

11. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ

Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ được trích lập hằng năm với mức bằng 5% lợi nhuận của Công ty cho đến khi đạt 100% vốn điều lệ đã góp theo Quyết định số 27/2007/QĐ-BTC ngày 24 tháng 4 năm 2007 do Bộ Tài chính ban hành về Quy chế tổ chức và hoạt động cho công ty chứng khoán. Quỹ được trích lập để sử dụng vào việc mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc bổ sung vốn điều lệ đã góp.

12. Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu từ dự phòng cho dịch vụ môi giới chứng khoán, cung cấp dịch vụ tư vấn đầu tư và tư vấn tài chính, dịch vụ bảo lãnh và ký quỹ chứng khoán được ghi nhận khi dịch vụ đã hoàn tất hoặc dựa trên các điều khoản của hợp đồng cung cấp dịch vụ.

Tiền lãi

Thu nhập lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dồn tích trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi là không chắc chắn.

Cổ tức

Thu nhập được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

13. Giá vốn chứng khoán tự doanh bán ra

Công ty áp dụng phương pháp bình quân gia quyền để tính giá vốn chứng khoán tự doanh bán ra.

14. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

III. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

14. Thuế thu nhập doanh nghiệp (tiếp theo)

Thuế thu nhập hiện hành (tiếp theo)

Doanh nghiệp chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và doanh nghiệp dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi có khả năng kiểm soát thời gian hoãn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ :

- ▶ tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

III. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

14. Thuế thu nhập doanh nghiệp (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Doanh nghiệp chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế.

15. Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán

Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán phản ánh số tiền ký quỹ để giao dịch chứng khoán. Các khoản tiền này được gửi tại ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản.

IV. CHI TIẾT MỘT SỐ CHỈ TIÊU TRONG BÁO CÁO TÀI CHÍNH

IV.1 Tiền

	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2010 VNĐ</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2009 VNĐ</i>
Tiền mặt tại quỹ	17.557.287	43.593.295
Tiền gửi ngân hàng	47.361.897.293	120.555.483.794
<i>Trong đó:</i>		
<i>Tiền gửi của công ty chứng khoán</i>	<i>24.425.843.432</i>	<i>1.172.014.460</i>
<i>Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán</i>	<i>22.936.053.861</i>	<i>119.383.469.334</i>
	<u>47.379.454.580</u>	<u>120.599.077.089</u>

Cho mục đích trình bày báo cáo tài chính, khoản mục tiền gửi của nhà đầu tư cho hoạt động mua bán kinh doanh chứng khoán được loại trừ ra khỏi chỉ tiêu số dư tiền cuối năm trên báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

IV.2 Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2010 VNĐ</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2009 VNĐ</i>
Chứng khoán thương mại	1.793.717.896	8.958.378.856
Cổ phiếu chưa niêm yết	1.310.927	197.000.000
Đầu tư tài chính khác	184.009.943.518	191.000.000.000
	185.804.972.341	200.155.378.856
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(609.533.500)	(2.082.125.607)
	<u>185.195.438.841</u>	<u>198.073.253.249</u>

Các khoản đầu tư tài chính khác bao gồm các khoản ủy thác đầu tư cho các cá nhân và có mức lãi suất cố định từ 11,5%/năm đến 14,5%/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

IV. CHI TIẾT MỘT SỐ CHỈ TIÊU TRONG BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

IV.3 Các khoản phải thu

	Ngày 31 tháng 12 năm 2010 VNĐ	Ngày 31 tháng 12 năm 2009 VNĐ
Phải thu khách hàng	126.932.900.487	31.737.993.067
Phải thu các bên liên quan (Thuyết minh IV.16)	385.153.626	13.328.499.244
Phải thu khác	11.625.808.326	1.553.175.357
Tạm ứng cho nhân viên	31.889.416	255.350.538
Các khoản phải thu khác	11.593.918.910	1.297.824.819
	138.943.862.439	46.619.667.668
Dự phòng phải thu khó đòi	(12.310.813.016)	-
	126.633.049.423	46.619.667.668

IV.4 Tài sản cố định hữu hình

	Máy móc, thiết bị VNĐ	Phương tiện vận tải VNĐ	Thiết bị văn phòng VNĐ	Tài sản cố định khác VNĐ	Tổng cộng VNĐ
Nguyên giá:					
Số dư đầu năm	7.196.126.856	-	5.478.315.988	1.517.751.060	14.192.193.904
Tăng trong năm	208.960.100	-	12.694.000	-	221.654.100
Thanh lý, nhượng bán	(145.545.356)	-	(315.057.797)	-	(460.603.153)
Số dư cuối năm	7.259.541.600	-	5.175.952.191	1.517.751.060	13.953.244.851
Giá trị hao mòn:					
Số dư đầu năm	(3.046.438.043)	-	(2.157.368.572)	(612.236.985)	(5.816.043.600)
Tăng trong năm	(1.710.213.998)	-	(1.334.994.081)	(343.093.092)	(3.388.301.171)
Thanh lý, nhượng bán	106.126.824	-	213.522.540	-	319.649.364
Số dư cuối năm	(4.650.525.217)	-	(3.278.840.113)	(955.330.077)	(8.884.695.407)
Giá trị còn lại:					
Số dư đầu năm	4.149.688.813	-	3.320.947.416	905.514.075	8.376.150.304
Số dư cuối năm	2.609.016.383	-	1.897.112.078	562.420.983	5.068.549.444

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

IV. CHI TIẾT MỘT SỐ CHỈ TIÊU TRONG BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

IV.5 Tài sản cố định vô hình

	<i>Phần mềm máy tính</i>
	<u>VNĐ</u>
Nguyên giá:	
Số dư đầu năm	5.920.584.978
Mua trong năm	-
Thanh lý, nhượng bán	<u>-</u>
Số dư cuối năm	<u>5.920.584.978</u>
Giá trị hao mòn:	
Số dư đầu năm	(991.748.443)
Hao mòn trong năm	(660.527.052)
Thanh lý, nhượng bán	<u>-</u>
Số dư cuối năm	<u>(1.652.275.495)</u>
Giá trị còn lại:	
Số dư đầu năm	<u>4.928.836.535</u>
Số dư cuối năm	<u>4.268.309.483</u>

IV.6 Chi phí trả trước dài hạn

	<i>Ngày 31 tháng 12</i>	<i>Ngày 31 tháng 12</i>
	<i>năm 2010</i>	<i>năm 2009</i>
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Chi phí công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	329.528.554	629.698.851
Chi phí sửa chữa văn phòng	616.745.509	2.666.210.512
Chi phí trả trước dài hạn khác	<u>52.121.080</u>	<u>223.768.037</u>
	998.395.143	3.519.677.400

IV.7 Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán

	<i>Ngày 31 tháng 12</i>	<i>Ngày 31 tháng 12</i>
	<i>năm 2010</i>	<i>năm 2009</i>
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Số dư đầu năm	710.288.064	120.000.000
Tiền nộp bổ sung	867.564.879	583.885.474
Tiền lãi phân bổ trong năm	<u>68.440.414</u>	<u>6.402.590</u>
Số dư cuối năm	1.646.293.357	710.288.064

Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán phản ánh các khoản tiền ký quỹ tại các Sở Giao dịch Chứng khoán theo Quyết định 60/2004/QĐ-BTC ngày 15 tháng 7 năm 2004 và Quyết định 72/2005/QĐ-BTC ngày 21 tháng 10 năm 2005 của Bộ Tài chính. Công ty phải ký quỹ một khoản tiền tương đương với khoản tiền ban đầu là 120 triệu đồng trong năm đầu tiên và hàng năm phải đóng thêm một khoản tiền tương đương với 0,01% tổng giá trị chứng khoán mỗi giới của năm trước đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

IV. CHI TIẾT MỘT SỐ CHỈ TIÊU TRONG BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

IV.8 Chi phí phải trả

	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2010 VNĐ</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2009 VNĐ</i>
Trích trước chi phí thường định kỳ	237.237.562	334.000.000
Chi phí môi giới giao dịch chứng khoán	517.356.258	431.069.371
Các khoản khác	180.499.998	400.675.100
	<u>935.093.818</u>	<u>1.165.744.471</u>

IV.9 Phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2010 VNĐ</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2009 VNĐ</i>
Kinh phí công đoàn	-	12.269.703
Bảo hiểm y tế	8.058.843	-
Thanh toán giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư	22.936.053.861	119.383.469.334
Các khoản phải trả phải nộp khác	119.829.675	107.540.349
	<u>23.063.942.379</u>	<u>119.503.279.386</u>

Công ty Cổ phần Chứng khoán Vincom

B09-CTCK

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 20010 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

IV. CHI TIẾT MỘT SỐ CHỈ TIÊU TRONG BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

IV.10 Vốn chủ sở hữu

IV.10.1 Tăng giảm vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần đã phát hành VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ VND	(Lỗ lũy kế)/ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Năm trước					
Số dư đầu năm	300.000.000.000	4.165.459	4.165.459	74.978.268	300.083.309.186
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	35.177.608.644	35.177.608.644
Phân bổ các quỹ	-	1.758.880.432	1.758.880.432	(3.517.760.864)	-
Số dư cuối năm	300.000.000.000	1.763.045.891	1.763.045.891	31.734.826.048	335.260.917.830
Năm nay					
Số dư đầu năm	300.000.000.000	1.763.045.891	1.763.045.891	31.734.826.048	335.260.917.830
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	7.450.321.264	7.450.321.264
Phân bổ các quỹ	-	372.516.064	372.516.064	(745.032.128)	-
Số dư cuối năm	300.000.000.000	2.135.561.955	2.135.561.955	38.440.115.184	342.711.239.094

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

IV. CHI TIẾT MỘT SỐ CHỈ TIÊU TRONG BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

IV.10 Vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

IV.10.2 Cổ phiếu phổ thông và cổ phiếu ưu đãi

	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2010</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2009</i>
Số cổ phiếu đăng ký phát hành	30.000.000	30.000.000
Số cổ phiếu phát hành		
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	30.000.000	30.000.000
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số cổ phiếu hiện hành		
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	30.000.000	30.000.000
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

Mệnh giá mỗi cổ phiếu là 10.000 đồng Việt Nam

Cổ phiếu của Công ty chính thức được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội từ ngày 29 tháng 12 năm 2009 theo Quyết định số 1036/QĐ-SGDHN ngày 24 tháng 12 năm 2009 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

IV.10.3 Cổ tức

Công ty chưa thực hiện chia cổ tức năm 2010 cho các cổ đông.

IV.10.4 Các quỹ

	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2010 VNĐ</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2009 VNĐ</i>
Quỹ dự phòng		
<i>Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ</i>	2.135.561.955	1.763.045.891
<i>Quỹ dự phòng tài chính</i>	2.135.561.955	1.763.045.891
Quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-
	<u>4.271.123.910</u>	<u>3.526.091.782</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

IV. CHI TIẾT MỘT SỐ CHỈ TIÊU TRONG BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

IV.11 Doanh thu hoạt động kinh doanh chứng khoán

	<i>Năm nay</i> <i>VNĐ</i>	<i>Năm trước</i> <i>VNĐ</i>
Doanh thu hoạt động kinh doanh chứng khoán	76.730.850.843	89.728.743.445
Môi giới chứng khoán	15.443.567.280	20.440.621.205
Hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	27.163.711.692	38.497.314.400
- Cổ tức, lợi nhuận, lãi trái phiếu	545.112.731	
- Chênh lệch lãi bán khoán đầu tư chứng khoán, góp vốn	26.618.598.961	38.497.314.400
Bảo lãnh phát hành, đại lý phát hành chứng khoán	-	4.000.000
Doanh thu lưu ký chứng khoán	731.317.911	-
Hoạt động tư vấn	705.237.741	924.545.455
- Tư vấn tài chính	705.237.741	924.545.455
Doanh thu khác	32.687.016.219	29.862.262.385
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần	76.730.850.843	89.728.743.445

IV.11.1 Doanh thu khác

	<i>Năm nay</i> <i>VNĐ</i>	<i>Năm trước</i> <i>VNĐ</i>
Doanh thu từ hoạt động ủy thác đầu tư	19.312.249.806	21.742.146.665
Doanh thu khác	13.374.766.413	8.120.115.720
	32.687.016.219	29.862.262.385

IV.12 Chi phí hoạt động kinh doanh

	<i>Năm nay</i> <i>VNĐ</i>	<i>Năm trước</i> <i>VNĐ</i>
Chi phí hoạt động môi giới chứng khoán	1.997.214.299	2.924.460.749
Chi phí hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	12.114.156.314	11.374.533.843
Chi phí bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	642.974.240	752.814.817
Chi phí hoạt động lưu ký chứng khoán	1.176.095.417	236.958.548
Chi phí tư vấn cho nhà đầu tư	5.698.500	119.846.855
Chi phí/(hoàn nhập) dự phòng giảm giá chứng khoán	(4.722.215.924)	(2.314.091.593)
Chi phí khấu hao TSCĐ	2.476.347.562	2.437.529.634
Chi phí lương nhân viên trực tiếp	2.526.768.191	2.526.606.313
Chi phí khác	8.531.016.189	2.905.412.747
	24.748.054.788	20.964.071.913

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

IV. CHI TIẾT MỘT SỐ CHỈ TIÊU TRONG BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

IV.13 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<i>Năm nay</i> <i>VND</i>	<i>Năm trước</i> <i>VND</i>
Chi phí nhân viên	7.567.066.892	9.094.012.324
Chi phí vật liệu quản lý	497.089.846	1.892.424.147
Chi phí đồ dùng văn phòng	8.633.770.131	1.046.891.118
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.223.530.858	1.934.678.891
Thuế, phí và lệ phí	2.955.419.055	875.119.004
Chi phí dự phòng	12.310.813.016	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.633.642.043	9.348.254.400
Chi phí bằng tiền khác	1.608.049.118	998.605.820
	37.429.380.959	25.189.985.704

IV.14 Thu nhập chi phí khác

	<i>Năm nay</i> <i>VND</i>	<i>Năm trước</i> <i>VND</i>
Thu nhập khác	149.231.556	3.488.322.251
Hoàn nhập dự phòng	140.953.789	-
Thu thanh lý tài sản	8.277.767	3.481.711.926
Thu nhập khác	-	6.610.325
Chi phí khác	(672.568.548)	(4.138.386.380)
Chi phí thanh lý tài sản	(140.953.789)	(4.135.238.290)
Chi phí khác	(531.614.759)	(3.148.090)
Lợi nhuận khác	(523.336.992)	(650.064.129)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

IV. CHI TIẾT MỘT SỐ CHỈ TIÊU TRONG BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

IV.15 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Ngày 31 tháng 12 năm 2010 VNĐ	Ngày 31 tháng 12 năm 2009 VNĐ
Thuế giá trị gia tăng phải nộp	146.466.450	226.531.224
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.865.182.258	7.005.684.720
Thuế thu nhập cá nhân	68.816.266	25.054.509
Thuế khác	169.293.689	218.182
	4.249.758.663	7.257.488.635

Thuế Thu nhập doanh nghiệp

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp ("thuế TNDN") với thuế suất bằng 25% lợi nhuận thu được.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày lập bảng cân đối kế toán.

Bảng đối chiếu giữa lợi nhuận tính thuế và lợi nhuận kế toán trong năm được trình bày như sau:

	Năm nay VNĐ	Năm trước VNĐ
Lợi nhuận kế toán trước thuế	14.030.078.104	42.924.621.699
Các khoản điều chỉnh tăng lợi nhuận kế toán	12.288.949.258	1.344.024.328
<i>Thu nhập cổ tức không chịu thuế</i>	(547.270.750)	-
<i>Chi phí chưa được khấu trừ</i>	12.310.813.016	1.344.024.328
<i>Chi phí thuế phạt, truy thu</i>	525.406.992	-
Lợi nhuận tính thuế ước tính	26.319.027.362	44.268.646.027
Thuế TNDN hiện hành ước tính	6.579.756.840	11.067.161.507
Giảm trừ thuế TNDN (*)	-	(3.320.148.452)
Chi phí thuế TNDN trong năm	6.579.756.840	7.747.013.055
Thuế TNDN phải nộp đầu năm	7.005.684.720	(741.328.335)
Thuế thu nhập doanh nghiệp truy thu	361.298.643	-
Thuế TNDN đã nộp trong năm	(10.081.558.945)	-
Thuế TNDN phải nộp cuối năm	3.865.181.258	7.005.684.720

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

IV. CHI TIẾT MỘT SỐ CHỈ TIÊU TRONG BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

IV.15 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (tiếp theo)

(*) Theo Thông tư 03/2009/TT-BTC ngày 13 tháng 01 năm 2009 do Bộ Tài chính ban hành hướng dẫn thực hiện giảm, gia hạn nộp thuế TNDN, các doanh nghiệp nhỏ và vừa được giảm 30% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm 2009. Ban Giám đốc đánh giá rằng Công ty đáp ứng các điều kiện là một doanh nghiệp vừa và nhỏ, vì vậy, được miễn giảm thuế TNDN theo Thông tư 03.

IV.16 Giao dịch với các bên liên quan

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm bao gồm:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Số tiền VNĐ</i>
Công ty Cổ phần Vincom ("Vincom")	Công ty mẹ	Thu từ hợp đồng tư vấn Chi phí trả hộ Vincom Thuê văn phòng Lãi tiền vay Thanh lý tài sản cố định	(100.000.000) 579.246.321 (8.614.454.390) 183.333.400 147.161.556
Công ty Cổ phần Vinpearl	Cùng chủ sở hữu	Chi phí trả hộ	426.224.802
Phạm Hồng Linh	Thành viên gia đình của một thành viên HĐQT của công ty mẹ	Lãi từ ủy thác đầu tư Lãi thu được	2.316.905.262 (3.081.099.707)

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2010, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Phải thu VNĐ</i>	<i>Phải trả VNĐ</i>
Công ty Cổ phần Vincom	Công ty mẹ	Trả trước tiền thuê nhà Phải thu khác Phải trả khác	381.225.488 3.928.138 -	- - (10.551.384)
			385.153.626	(10.551.384)

Các giao dịch với các bên liên quan khác

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc:

	<i>Năm nay VNĐ</i>	<i>Năm trước VNĐ</i>
Lương và thưởng	579.382.335	939.318.633
Các phúc lợi khác	-	-
	579.382.335	939.318.633

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

IV. CHI TIẾT MỘT SỐ CHỈ TIÊU TRONG BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

IV.17 Tình hình thu nhập của cán bộ công nhân viên

	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2010</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2009</i>
Tổng lương	4.595.674.642	6.683.852.750
Tiền thưởng	-	-
Tổng thu nhập	4.595.674.642	6.683.852.750
Số lượng cán bộ nhân viên bình quân	53	49
<i>Tiền lương bình quân tháng</i>	<i>7.225.904</i>	<i>11.367.097</i>
<i>Thu nhập bình quân tháng</i>	<i>7.225.904</i>	<i>11.367.097</i>

IV.18 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	<i>Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010</i>	<i>Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009</i>
Lợi nhuận sau thuế (VNĐ)	7.450.321.264	35.177.608.644
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VNĐ/cổ phiếu)	248	1.173
Số cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong năm (cổ phiếu)	30.000.000	30.000.000

IV.19 Cam kết thuê hoạt động

Công ty thuê trụ sở chính tại tầng L2, tòa nhà Vincom Center, số 72 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam theo các hợp đồng thuê hoạt động. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, Công ty có khoản cam kết chi trả theo các hợp đồng thuê hoạt động này như sau:

	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2010 VNĐ</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2009 VNĐ</i>
Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động đến hạn theo các hợp đồng thuê hoạt động:		
Trong vòng 1 năm	3.981.096.000	5.303.853.444
Từ 2 đến 5 năm	5.308.128.000	10.157.242.623
Trên 5 năm	-	-
	9.289.224.000	15.461.096.067

V. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY LẬP BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Từ ngày 2 đến ngày 7 tháng 3 năm 2011, Công ty Cổ phần Vincom, công ty mẹ của công ty đã hoàn thành các giao dịch chuyển nhượng 19.490.000 cổ phiếu thông qua các giao dịch thỏa thuận tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội. Số cổ phiếu còn lại cũng đang được công ty mẹ chào bán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

VI. PHÊ DUYỆT PHÁT HÀNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các báo cáo tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được Tổng Giám đốc phê duyệt để phát hành vào ngày 15 tháng 3 năm 2011.



Nguyễn Thanh Huyền
Kế toán trưởng



Bách Nguyễn Vũ
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 15 tháng 3 năm 2011